

KẾ TOÁN TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI VÀ THỰC TIỄN VẬN DỤNG VÀO VIỆT NAM

● ĐẶNG THỊ BÍCH NGỌC

TÓM TẮT:

Những năm gần đây, khi nền kinh tế Việt Nam đang trên đà tăng trưởng và phát triển, vấn đề thực hiện trách nhiệm xã hội (Corporate Social Responsibility - CSR) ngày càng nhận được sự quan tâm mạnh mẽ của công chúng. Doanh nghiệp (DN) và xã hội có mối quan hệ 2 chiều, mật thiết với nhau. DN nhận các lợi ích từ xã hội, được xã hội tạo các điều kiện cần thiết để tiến hành các hoạt động sản xuất-kinh doanh (SX-KD), do đó cần thực hiện các trách nhiệm đối với xã hội. Việc thu thập và cung cấp thông tin liên quan đến mối quan hệ này đã phát sinh khái niệm kế toán trách nhiệm xã hội (TNXH) của DN. Kế toán TNXH sẽ cho phép các DN kiểm soát được hoạt động TNXH, đồng thời cho phép DN đánh giá được tác động của công tác TNXH tới lợi nhuận của DN. Bài viết dưới đây đề cập đến các nội dung về TNXH của DN, hoạt động kế toán TNXH. Từ đó, đề xuất một số gợi ý cho việc nghiên cứu và triển khai kế toán TNXH của DN ở Việt Nam.

Từ khóa: trách nhiệm xã hội, kế toán trách nhiệm xã hội, doanh nghiệp.

1. Khái niệm về trách nhiệm xã hội và kế toán trách nhiệm xã hội

1.1. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

Mặc dù có nhiều tổ chức, các học giả đưa ra các khái niệm khác nhau về TNXH, nhưng nhìn chung, TNXH là sự cam kết của doanh nghiệp đóng góp vào việc phát triển kinh tế bền vững thông qua các hoạt động của mình, nhằm nâng cao chất lượng đời sống của người lao động và thành viên gia đình họ, cho cộng đồng và toàn xã hội theo cách có lợi nhất cho cả doanh nghiệp, cũng như phát triển chung của xã hội. Doanh nghiệp không chỉ đơn thuần là một tổ chức thu lợi nhuận,

mà còn cần phải trở thành một phần của cộng đồng. Doanh nghiệp không chỉ tìm cách gia tăng lợi ích của các cổ đông, mà còn hướng tới lợi ích của tất cả những bên có liên quan.

TNXH của doanh nghiệp dần trở thành xu hướng của phát triển kinh tế, đang là mối quan tâm hàng đầu của nhiều DN trên thế giới, vì mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho doanh nghiệp, như: giảm chi phí, tăng doanh thu, tăng giá trị thương hiệu, giảm tỷ lệ nhân viên thôi việc, tăng năng suất và thêm cơ hội tiếp cận những thị trường mới... Ngày nay, TNXH của doanh nghiệp đang được coi trọng và dần trở thành một yếu tố quan

trọng như những yếu tố truyền thống khác trong kinh doanh như chi phí, chất lượng và giao hàng. Thực hiện TNXH của doanh nghiệp giúp cho doanh nghiệp giữ gìn và phát triển bản sắc văn hóa công ty, nâng cao giá trị thương hiệu và uy tín của doanh nghiệp, bảo vệ quyền lợi và tạo điều kiện làm việc thuận lợi cho người lao động, từ đó giúp doanh nghiệp thu hút được nhiều nhân tài cũng như nguồn nhân lực có chất lượng, thực hiện kinh tế tuần hoàn, giảm thiểu chi phí và quản lý hiệu quả hướng tới phát triển bền vững, thực hành kinh doanh có trách nhiệm. Bên cạnh đó, đòi hỏi doanh nghiệp sẽ xem xét, nghiên cứu sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tăng cường áp dụng các chu trình tuần hoàn như tuần hoàn nước, tuần hoàn chất thải... để thu được lợi ích kinh tế, giảm chi phí, góp phần phát triển bền vững cho doanh nghiệp. Ngoài ra, thực hiện TNXH của doanh nghiệp còn giúp giảm thiểu các hành động hối lộ, tham nhũng, bảo vệ môi trường, mang lại sự phát triển ổn định, bền vững của doanh nghiệp.

1.2. Kế toán trách nhiệm xã hội

Theo “Sách xanh” của Vương quốc Anh (1977), kế toán TNXH là kế toán báo cáo về các khoản mục riêng lẻ liên quan đến chống ô nhiễm, biện pháp an toàn và bảo vệ sức khỏe, phần lớn được thực hiện trên cơ sở phi thể thức. Kế toán TNXH được xem là công cụ quản trị, hỗ trợ việc thiết lập các mục tiêu xã hội của tổ chức bằng cách xem xét nhu cầu của doanh nghiệp và kỳ vọng của công chúng (Anderson, 1977).

Theo Mathews (1993), kế toán TNXH là việc công bố thông tin tài chính và thông tin phi tài chính, thông tin định tính và thông tin định lượng về các hoạt động của một tổ chức, có ảnh hưởng đến nhiều đối tượng liên quan.

Như vậy, kế toán TNXH là một khoa học quan sát, đo lường, tính toán, ghi chép, phản ánh, tổ chức, xử lý và phân tích thông tin về TNXH của doanh nghiệp như đã cam kết: cam kết bảo vệ môi trường; cam kết với người lao động, với nhà cung cấp; cam kết bảo đảm lợi ích và an toàn với người tiêu dùng,... Kế toán TNXH ghi nhận nguồn lực

của một DN tạo ra giá trị gia tăng không chỉ phụ thuộc vào vốn sản xuất, vốn tài chính, mà còn phụ thuộc vào vốn con người, xã hội và tự nhiên. Điều này có nghĩa, các khoản chi trả cho người lao động, chi bảo vệ môi trường và chi cho các chương trình cộng đồng có thể được tái đầu tư vào các tài sản và tạo ra của cải cho DN.

Kế toán TNXH phản ánh, lượng hóa thông tin về kinh tế, xã hội, môi trường của DN nhằm cung cấp cho các nhà quản trị và các đối tượng khác có liên quan đến DN, như: người lao động, nhà quản trị, chủ sở hữu, khách hàng, nhà cung cấp, nhà tài trợ, cộng đồng, cơ quan chính phủ, tổ chức chính trị và hiệp hội thương mại. Kế toán TNXH bao gồm cả kế toán tài chính và kế toán quản trị, trong đó nhấn mạnh tác động của các thông tin phi tài chính đến các yếu tố xã hội, môi trường và kinh tế.

2. Các nội dung cần phản ánh của kế toán trách nhiệm xã hội

2.1. Cung cấp thông tin phi tài chính

Thông tin phi tài chính TNXH là thông tin định tính, mang tính chất mô tả nhằm thông báo cho các bên liên quan bên ngoài về chính sách TNXH, mục tiêu, hệ thống quản lý đối với TNXH. Chính sách TNXH gồm những nội dung như: chính sách và chương trình chính thức đã được doanh nghiệp thông qua; trong trường hợp không có chính sách và chương trình như vậy, doanh nghiệp cũng cần nêu rõ những cải tiến chính đã được thực hiện trong các năm qua; các biện pháp, mức độ bảo vệ môi trường, hay trách nhiệm với người lao động đã được thực hiện theo yêu cầu pháp luật. Tuy nhiên, thông tin phi tài chính không thể cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ về sự tương tác giữa doanh nghiệp và TNXH.

2.2. Cung cấp thông tin tài chính

Thứ nhất, cung cấp thông tin về tài sản phục vụ cho hoạt động TNXH.

Doanh nghiệp có thể ghi nhận các tài sản phục vụ cho hoạt động TNXH là tài sản ngắn hạn hoặc tài sản dài hạn trên Bảng cân đối kế toán. Căn cứ vào các quy định trên, doanh nghiệp có

thể ghi nhận các tài sản phục vụ cho hoạt động TNXH như:

- Tài sản dùng vào mục đích xử lý và kiểm soát chất thải nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định môi trường như: hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu bụi,...

- Tài sản dùng cho mục đích phòng ngừa và quản lý môi trường như: thiết bị, công nghệ thân thiện với môi trường.

- Tài sản dùng vào mục đích nghiên cứu phát triển về môi trường, chẳng hạn như: phòng thí nghiệm sử dụng cho mục đích nghiên cứu các giải pháp quản lý tốt hơn vấn đề môi trường, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Tài sản vô hình như giấy phép phát thải, chứng chỉ giảm phát thải,...

- Tài sản phục vụ người lao động như nhà ăn, nhà nghỉ giữa ca, phòng thay đồ, phòng tập thể thao,...

Thứ hai, cung cấp thông tin về nợ phải trả TNXH.

Nợ phải trả TNXH là nghĩa vụ hiện tại của doanh nghiệp phải thực hiện để thanh toán các khoản phát sinh liên quan đến TNXH và đáp ứng các tiêu chí để ghi nhận là nợ phải trả. Đối với mỗi loại nợ phải trả, TNXH cần mô tả ngắn gọn về bản chất (ví dụ thiệt hại môi trường, các quy định phục hồi môi trường, những thay đổi hợp lý dự kiến đối với các luật hoặc công nghệ hiện có), thời gian, quy định thanh toán của nợ phải trả; cách tiếp cận được sử dụng để đo lường các khoản nợ môi trường. Bên cạnh đó, doanh nghiệp cần công bố nợ tiềm tàng TNXH với các nội dung như: mô tả ngắn gọn về bản chất của khoản nợ tiềm tàng; ước tính hiệu quả tài chính của các khoản nợ tiềm tàng, xác định yếu tố không chắc chắn liên quan đến không ghi nhận nợ tiềm tàng, khả năng bồi thường của doanh nghiệp.

Thứ ba, cung cấp thông tin về thu nhập/ưu đãi đối với hoạt động TNXH.

Thu nhập liên quan đến hoạt động TNXH có thể phát sinh từ hoạt động bán phế liệu, chất thải hay thu nhập phát sinh từ các khoản bồi hoàn bảo

hiểm cho các khiếu nại liên quan đến môi trường, người tiêu dùng, người lao động. Doanh nghiệp cũng có thể đánh giá phần lợi nhuận tăng thêm từ các sản phẩm thân thiện với môi trường, tiết kiệm vật liệu sử dụng, nâng cao hiệu suất làm việc,... Trong quá trình hoạt động, doanh nghiệp có thể nhận được các ưu đãi của Chính phủ liên quan đến hoạt động TNXH như các khoản tài trợ hoặc ưu đãi thuế. Thông tin thu nhập từ hoạt động TNXH giúp cho các đối tượng sử dụng thông tin có thể đánh giá được TNXH của doanh nghiệp trong công tác bảo vệ môi trường, bảo vệ người lao động và các hoạt động xã hội khác.

Thứ tư, cung cấp thông tin về chi phí TNXH.

Chi phí TNXH là các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán được thực hiện nhằm quản lý các tác động đến môi trường, đến người lao động, đến cộng đồng,... phục vụ cho yêu cầu TNXH của doanh nghiệp. Doanh nghiệp cần công bố các nội dung về chi phí TNXH như: danh mục chi phí cho hoạt động TNXH; chi phí cho người lao động; chi phí phát sinh do bị phạt tiền vì không tuân thủ các quy định về môi trường hoặc bồi thường cho bên thứ ba do ô nhiễm môi trường,...

2.3. Báo cáo trách nhiệm xã hội

Báo cáo TNXH của doanh nghiệp trình bày và công bố thường kỳ những thông tin về kinh tế, môi trường và xã hội của doanh nghiệp. Các thông tin này có thể được phản ánh tích hợp trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp, có thể được phản ánh trong báo cáo riêng trong hệ thống báo cáo thường niên và được phổ biến trên các phương tiện truyền thông như: thư quản lý, video, CD Rom, website của doanh nghiệp. Báo cáo TNXH của doanh nghiệp được các nhà nghiên cứu, nhà quản lý, nhà tư vấn,... được gọi với tên khác là Báo cáo phát triển bền vững (Sustainability Report-SR). Báo cáo phát triển bền vững (BCPTBV) xuất hiện lần đầu tiên vào cuối năm 1980, với tên gọi là Báo cáo môi trường trong các công ty trong ngành hóa chất của các nước công nghiệp phát triển, mà hoạt động của các công ty này ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi

trường sinh thái và sức khỏe cộng đồng. (Schaltegger, S.; Bennett, M. & Burritt, R., 2006).

3. Thực tiễn vận dụng kế toán trách nhiệm xã hội tại Việt Nam

Tại Việt Nam, kế toán TNXH của doanh nghiệp đã được một số công ty đại chúng triển khai thực hiện như Vingroup, Vinamilk... Tuy nhiên, bên cạnh một số DN bước đầu thực hiện tốt kế toán TNXH, vẫn còn có không ít doanh nghiệp của Việt Nam chưa thấy được tầm quan trọng của vấn đề này.

Văn bản đầu tiên đề cập đến các thông tin liên quan đến BCPTBV là Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Thông tư này hướng dẫn các DN trình bày thông tin chung về công ty, trong đó có các mục tiêu phát triển bền vững về môi trường, xã hội và cộng đồng. Trong Báo cáo tác động đến môi trường và xã hội của công ty, công ty đại chúng phải báo cáo các nội dung như quản lý nguồn nguyên liệu, tiêu thụ năng lượng, tiêu thụ nước, tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, chính sách liên quan đến người lao động, báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương, báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Đây được xem là bước khởi đầu của Việt Nam trong việc tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. Sau đó, bộ tiêu chuẩn quốc tế về lập Báo cáo phát triển bền vững GRI phiên bản tiếng Việt cũng ra đời và phổ biến cho các DN.

Theo Hà Thị Thủy (2020), trong tổng số 100 công ty niêm yết ở Việt Nam được đưa vào nghiên cứu thì có 12 công ty không cung cấp bất kỳ thông tin nào liên quan đến TNXH cho các bên liên quan, chỉ có 14 công ty trong tổng số 100 công ty cung cấp thông tin khá đầy đủ với mức độ thông tin được công bố là trên 80% theo yêu cầu, điển hình là các doanh nghiệp: Tập đoàn Bảo Việt (BVH), Công ty cổ phần Dược Hậu Giang (DHG), Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (HNG), Tổng công ty cổ phần Khoan và

Dịch vụ khoan dầu khí (PVD), Công ty TNHH Nhà máy Bia Việt Nam, Công ty cổ phần Vicostone, Tổng công ty POSCO E&C, Công ty cổ phần Sữa Việt Nam (VNM)...

Thêm vào đó, hiện nay, các công ty niêm yết ở Việt Nam mới chủ yếu thể hiện TNXH thông qua các hoạt động phục vụ cộng đồng, như: các hoạt động từ thiện, hỗ trợ người dân địa phương, các quỹ học bổng vượt khó. Trong khi đó, những vấn đề liên quan đến môi trường như: hệ thống xử lý chất thải; sáng kiến tiết kiệm năng lượng; quản lý khói bụi, sử dụng nguồn nước lại ít được các doanh nghiệp quan tâm.

Thực trạng trên cho thấy, trong bối cảnh hội nhập quốc tế, các DN Việt Nam vẫn còn thụ động trong việc tiếp cận xu hướng báo cáo toàn cầu, nhằm minh bạch hóa thông tin về hoạt động sản xuất - kinh doanh, các thông tin có liên quan để hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. Để nhận được những phản hồi tích cực và sự ủng hộ từ cộng đồng, ổn định lợi nhuận và tăng cường lợi thế cạnh tranh trên thị trường, hoạt động về BCPTBV cần được các DN đón nhận và triển khai mạnh mẽ hơn. Trên lý thuyết, việc công bố thông tin TNXH là nghĩa vụ bắt buộc được quy định tại Thông tư số 155/2015/TTBTC, tuy nhiên lại không có chế tài xử phạt đủ mạnh để tăng cường hiệu lực pháp lý của nghĩa vụ này. Vì vậy, trên thực tế, đây vẫn chỉ được coi là một hoạt động tự nguyện, do đó mức độ tuân thủ chưa cao. Ngoài ra, vì Thông tư số 155/2015/TTBTC được xây dựng để áp dụng chung cho tất cả các công ty niêm yết, nên sẽ có những thông tin không phù hợp với lĩnh vực riêng của từng loại hình doanh nghiệp, từ đó sẽ có những thông tin không được các doanh nghiệp công bố.

4. Một số khuyến nghị về xây dựng kế toán trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp ở Việt Nam

Thứ nhất, cần nâng cao ý thức của các DN về TNXH. Do nền kinh tế phát triển cùng với quá trình toàn cầu hóa đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ, TNXH của DN ngày càng được chú trọng. Các DN cần được khuyến khích áp dụng kế toán

trách nhiệm, học hỏi lẫn nhau để đưa ra một cách thức thực hiện kế toán TNXH mang tính đồng nhất cao. Các DN cần tự giác tìm hiểu, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của TNXH và công bố thông tin TNXH. Do đó, cần tổ chức các khóa đào tạo để nhân viên hiểu được vai trò của TNXH trong sự lớn mạnh của doanh nghiệp.

- Tăng cường công khai thông tin TNXH thông qua các kênh trực tuyến (website của doanh nghiệp,...), giúp thông tin được cung cấp một cách nhanh chóng và kịp thời.

Thứ hai, về phía cơ quan quản lý nhà nước. Bộ Tài chính xem xét ban hành các văn bản để áp dụng vào công tác kế toán TNXH, như: Chuẩn mực kế toán phát triển bền vững của Hội đồng Chuẩn mực kế toán phát triển bền vững Hoa Kỳ, hướng dẫn kế toán phát triển bền vững của dự án SIGMA của Anh, hướng dẫn Báo cáo các chỉ thị môi trường và Hướng dẫn báo cáo các chỉ số xã hội của Australia,...

- Cần thể chế hóa việc lập báo cáo phát triển bền vững trong hệ thống luật pháp Việt Nam, như một trách nhiệm có tính bắt buộc.

- Cần ban hành tiêu chuẩn công bố thông tin TNXH phù hợp với từng lĩnh vực hoạt động;

- Quy định các chế tài xử phạt đủ mạnh để tăng cường hiệu lực pháp lý của nghĩa vụ công bố thông tin TNXH. Các hình thức xử phạt nên được chia thành nhiều cấp độ tùy theo mức độ vi phạm của doanh nghiệp.

Thứ ba, về phía các nhà đầu tư. Các nhà đầu tư

cũng có thể đóng vai trò quan trọng trong việc tác động đến thái độ, ý thức và trách nhiệm lập báo cáo bền vững của các doanh nghiệp thông qua một số hành động sau:

- Cung cấp cho các công ty những phản hồi về chất lượng và nội dung báo cáo;

- Tổng hợp những cân nhắc dài hạn về mặt môi trường, xã hội và quản lý vào những quyết định đầu tư hay không đầu tư.

Thứ tư, về phía các cơ sở giáo dục. Các trường đại học kinh tế cần phải đưa nội dung TNXH của doanh nghiệp, kế toán TNXH, báo cáo TNXH vào trong chương trình đào tạo ở các bậc học: đại học, cao học và tiến sĩ. Điều này giúp cho chúng ta đào tạo nguồn nhân lực, từ đó quản lý và thực hiện tốt TNXH của doanh nghiệp, thúc đẩy sự phát triển bền vững của các doanh nghiệp tại Việt Nam.

5. Kết luận

Để doanh nghiệp phát triển bền vững, việc cung cấp các thông tin về kế toán TNXH cho các bên liên quan được coi là một phần quan trọng trong các báo cáo kế toán của doanh nghiệp hiện nay. Điều này sẽ giúp nâng cao hình ảnh của các doanh nghiệp trước công chúng, thúc đẩy hiệu quả việc tiêu thụ sản phẩm, thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với xã hội. Thông qua đó, doanh nghiệp cũng thể hiện được sự quan tâm đối với cộng đồng, khách hàng và các đối tượng liên quan khác. Chính vì vậy, kế toán TNXH đóng một vai trò quan trọng, giúp các doanh nghiệp phát triển bền vững ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Anderson, R. H. (1977). Social Responsibility Accounting: Evaluation, Objectives, Concepts and Principles. *PA: Magazine October*, 32.
2. Hà Thị Thủy (2019). Thực trạng công bố thông tin trách nhiệm xã hội (CSR) của các công ty niêm yết tại Việt Nam. *Tạp chí Phát triển và Hội nhập*, 46(56), 68-74.
3. Lê Kim Ngọc (2016). Kế toán trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. *Tạp chí Kế toán và Kiểm toán*, 4, 1-6.
4. Mathews, M. R. (1993). *Socially responsible Accounting*. London: Chapman and Hall.

5. Sajad Gholami, et al. (2012). Social Responsibility Accounting: From Theory to Practice. *Journal of Basic and Applied Scientific Research*, 2(10), 10111-10117.

Ngày nhận bài: 15/1/2023

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 15/2/2023

Ngày chấp nhận đăng bài: 23/2/2023

Thông tin tác giả:

TS. ĐẶNG THỊ BÍCH NGỌC

Học viện Ngân hàng

SOCIAL RESPONSIBILITY ACCOUNTING AND ITS IMPLEMENTATION IN VIETNAM

● Ph.D **DANG THI BICH NGOC**
Banking Academy

ABSTRACT:

Along with the growth of Vietnam's economy, the corporate social responsibility (CSR) has received more and more attention from the public. Enterprises and the society have a mutual and intimate relationship. Enterprises receive benefits from the society while the society creates the necessary conditions for enterprises to do business activities. As a result, it is necessary for enterprises to fulfill their social responsibilities. The need for providing information about CSR has fueled the development of social responsibility accounting. Social responsibility accounting enables enterprises to control their social responsibility activities and assess the impact of these activities on their profits. This paper presents the contents of CSR and social responsibility accounting, and makes some suggestions for the implementation of social responsibility accounting in enterprises in Vietnam.

Keywords: corporate social responsibility, social responsibility accounting, enterprises.